TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **71**/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 28/12/2017.
*"V/v **tranh chấp Hôn nhân - gia đình**".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

***Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1) Ông Trần Xươnne.

2) Bà Tăng Thị Bạch Vân**.**

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lâm Thanh Dũng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 362/2017/HNGĐ-ST, ngày 30 tháng 10 năm 2017 về việc "*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình* ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 206/2017/QĐXX- ST, ngày 29 tháng 01 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 137/2017, ngày 18 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Bích C, sinh năm 1989. Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Liêu Phát T, sinh năm 1985. Địa chỉ: ấp 9, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/10/2017 các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay nguyên đơn chị Lê Thị Bích C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2011 chị và anh Liêu Phát T kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, không có đăng ký kết hôn, do trong quá trình chung sống anh T thường xuyên say sưa, cờ bạc, đá gà và nhiều lần bị công an bắt phạt vi phạm hành chính chị phải đem tiền đóng phạt bảo lãnh anh T về. Đến tháng 11/2015 vợ chồng cải nhau nên chị đã dẫn con về nhà cha, mẹ ruột chị ở từ đó vợ chồng ly thân đến nay. Nhận thấy vợ chồng sống chung không hạnh phúc, hôn nhân không thể tồn tại nên chị xin không công nhận chị và anh T là vợ chồng do anh chị sống với nhau không có đăng ký kết hôn.

Về con chung: chị và anh T có với nhau một con chung là cháu Lê Ngọc T1, sinh ngày 26/7/2011 hiện chị là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh Liêu Phát T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình chị Lê Thị Bích C có cung cấp cho Tòa án 01 sổ hộ khẩu gia đình do chị Lê Thị Bích C làm chủ hộ; 01 bản sao giấy khai sinh của cháu Lê Ngọc T1, sinh ngày 26/7/2011.

Đối với bị đơn anh Liêu Phát T*:* Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho anh T nhưng anh T không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị C, Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ anh T hai lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải tại tòa nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được để đưa vụ án ra xét xử.

Vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng có ý kiến về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký tòa án và các đương sự từ khi giải quyết vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Về nội dung vụ án thì kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn tuyên bố chị Lê Thị Bích C và anh Liêu Phát T không phải là vợ chồng, về con giao cháu Lê Ngọc T1, sinh ngày 26/7/2011 cho chị Lê Thị Bích C trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ghi nhận sự tự nguyện của chi C về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng; về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét.

Tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Liêu Phát T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn, vị Kiểm sát viên cũng đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt bị đơn. Sau khi hội ý tại bàn Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị C và anh T kết hôn với nhau là trên cơ sở tự nguyện, không có đăng ký kết hôn, theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quy định về việc đăng ký kết hôn, cụ thể như sau: "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý". Đồng thời tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định về việc giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, cụ thể như sau:

"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và 16 của Luật này".

Chị Lê Thị Bích C và anh Liêu Phát T đã sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2011 có đầy đủ điều kiện kết hôn nhưng đến nay không đăng ký kết hôn, do sống chung không hạnh phúc nên chị Lê Thị Bích C yêu cầu không công nhận chị và anh T là vợ chồng. Theo các quy định nêu trên thì yêu cầu của chị Lê Thị Bích C là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận tuyên bố không công nhận chị Lê Thị Bích C và anh Liêu Phát T là vợ chồng.

[4] Về con chung: chị C và anh T có với nhau 01 con chung là cháu Lê Ngọc T1, sinh ngày 26/7/2011 chị C có nguyện vọng được nuôi con. Xét thấy, từ khi chị C bỏ nhà về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 11/2015 đến nay thì chị C là người trực tiếp nuôi cháu T1, anh T không tới lui thăm cháu. Đồng thời, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay anh T cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị C về việc nuôi con. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu T1, Hội đồng xét xử thấy rằng cần thiết phải giao cháu Lê Ngọc T1 cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định tại Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong thời gian chị C nuôi dưỡng cháu T1 thì anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về việc cấp dưỡng nuôi con: do chị C có khả năng kinh tế và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Từ những phân tích trên thấy rằng đề nghị của kiểm sát viên tại phiên Tòa hôm nay là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Lê Thị Bích C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 9, Điều 14, Điều 15 Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa nguyên đơn Lê Thị Bích C và bị đơn Liêu Phát T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Ngọc T1, sinh ngày 26/7/2011 cho chị Lê Thị Bích C trực tiếp nuôi đến tuổi trưởng thành. Anh Liêu Phát T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị C không yêu cầu. Dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho anh Liêu Phát T không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Bích C phải chịu 300.000 đồng (Bà trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm; nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0009369 ngày 30/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng và như vậy chị C đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với bị đơn thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đã ký

TÔN THỊ THANH THÚY

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Kế Sách;*
- *THADS huyện Kế Sách;*
- *TAND tỉnh Sóc Trăng;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã nơi đương sự cư trú;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*